

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1516/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2019 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023, Công văn số 2619/UBND-TH ngày 25 tháng 10 năm 2023, Báo cáo số 363/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023, Công văn số 2747/UBND-TH ngày 06 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2916/UBND-TH ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo kết quả thẩm định số 5588/BC-HĐTĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 7896/BKHĐT-QLQH ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch thành phố) với một số nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới Quy hoạch thành phố Hải Phòng bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền thành phố Hải Phòng và phần không gian biển được xác định theo các quy định của pháp luật có liên quan.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các Chiến lược quốc gia, các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch Vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI; chủ động nắm bắt cơ hội, phát huy lợi thế đặc biệt là “cửa chính ra biển” đối với cả miền Bắc, xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, trung tâm kết nối kinh tế và động lực phát triển của Vùng Đồng bằng sông Hồng, của Bắc Bộ và cả nước.

b) Tập trung phát triển một số lĩnh vực khoa học, công nghệ hiện đại, nhất là lĩnh vực kinh tế biển để Hải Phòng thực sự đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước; sớm trở thành thành phố có công nghiệp, dịch vụ

hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, gắn với chuyển đổi số; trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế.

c) Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế, tiềm năng, mối tương quan, liên kết với các tỉnh ven biển Bắc Bộ, khu vực đồng bằng Sông Hồng, các tỉnh phía Bắc và kết nối quốc tế; mở rộng, phân bố không gian phát triển hợp lý, gắn kết chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường với đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại, góp phần giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; đảm bảo an toàn cuộc sống và sản xuất của người dân, doanh nghiệp cả trên đất liền và trên biển, đảo; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, trước hết là ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối thông suốt cảng biển với các vùng nội địa, làm cơ sở cho việc phát triển mạnh dịch vụ logistics và hạ tầng phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số.

e) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các loại khoáng sản; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Hải Phòng là thành phố cảng biển lớn trong khu vực và thế giới với ba trụ cột phát triển: dịch vụ cảng biển-logistics; công nghiệp xanh, thông minh, hiện đại và trung tâm du lịch biển quốc tế; quy mô dân số khoảng 4,5 triệu người, có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu Châu Á và thế giới. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh. Người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao; hệ thống an sinh xã hội bền vững; dịch vụ trợ giúp xã hội đa dạng và chuyên nghiệp, kịp thời hỗ trợ và bảo vệ các đối tượng dễ bị tổn thương. Các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp được giữ gìn, phát huy. Môi trường sống tốt, thân thiện với tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số; là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối

thuận lợi trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa; trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á, trọng tâm là dịch vụ cảng biển, logistics và du lịch biển; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

(1) Tỷ trọng đóng góp GRDP của thành phố Hải Phòng vào tổng sản phẩm (GDP) của cả nước đến năm 2030 đạt khoảng 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân thời kỳ 2021-2030 tăng khoảng 13,5%/năm, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 15,3%/năm (công nghiệp tăng 15,8%/năm, xây dựng tăng 12,2%/năm); dịch vụ tăng khoảng 12,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 0,9%/năm;

(2) Cơ cấu kinh tế: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 51,7% (công nghiệp chiếm 46,8%); ngành dịch vụ chiếm 43,2%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,0%; và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,1%;

(3) GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 558 triệu đồng tương đương khoảng 21.700 USD;

(4) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 đạt 56 - 59%;

(5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 8,9 - 10,7%/năm;

(6) Kinh tế số đạt khoảng 40% GRDP thành phố;

(7) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2030 đạt 300 - 310 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 90 - 98 nghìn tỷ đồng;

- Về văn hóa - xã hội:

(1) Duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) của thành phố ở nhóm 5 tỉnh thành phố đứng đầu cả nước;

(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 85%; Tiểu học đạt 95%; Trung học cơ sở đạt 90%; Trung học phổ thông đạt 90%.

(3) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%;

(4) Số giường bệnh/vạn dân đạt 45 giường; số bác sỹ/vạn dân đạt 16 bác sỹ;

(5) Tỷ lệ hộ nghèo dưới 0,1%;

(6) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%;

(7) Giải quyết việc làm cho trên 6 vạn lượt lao động/năm;

(8) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,0%;

(9) Có 100% đơn vị hành chính cấp xã, 60% đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao đạt chuẩn theo quy định.

- Về môi trường:

(1) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 100%;

(2) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%;

(3) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp và đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%;

(4) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 9% tổng diện tích tự nhiên.

- Về không gian và kết cấu hạ tầng:

(1) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 74 - 76%;

(2) Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên; hoàn thành việc chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận;

(3) Giai đoạn 2021 - 2030, diện tích sàn nhà ở xã hội tăng thêm khoảng 3,5 triệu m²;

(4) Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 100% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao; thành phố được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Về quốc phòng, an ninh:

(1) Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

(2) Hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự; 100% chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên;

(3) Tỷ lệ phòng đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt 100%;

(4) Tỷ lệ điều tra khám phá các vụ án hình sự đạt tỷ lệ trên 92%.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Cảng biển và dịch vụ logistics: Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành một trung tâm kết nối quốc tế, có dịch vụ logistics hiện đại; cảng Lạch Huyện và cảng Nam Đồ Sơn thành cụm cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển và logistics. Thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, trong đó nghiên cứu Khu thương mại tự do với những cơ chế, chính sách đột phá, nổi trội đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do thành công trên thế giới.

b) Chuyển đổi số: Là địa phương đi đầu cả nước về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và kinh tế số. Chuyển đổi số toàn diện theo

Chương trình chuyên đổi số quốc gia. Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố dựa trên áp dụng công nghệ số, dữ liệu số. Phát triển mạnh kinh tế số, trước hết là ba trụ cột kinh tế: công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của dân cư.

c) Phát triển du lịch: Xây dựng quần thể du lịch biển Cát Bà - Đồ Sơn có sức hấp dẫn cao; kết hợp với Vịnh Hạ Long trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ quốc tế; hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố gắn với biển đảo, các di tích lịch sử, văn hóa; liên kết với các tỉnh Vùng đồng bằng sông Hồng, trở thành trung tâm du lịch kết nối khu vực và thế giới. Phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các giá trị của di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

1.1 Phương hướng chung

Ưu tiên phát triển các ngành chủ lực có vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của thành phố, gồm: (1) Sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin; (2) Dịch vụ cảng biển và logistics; (3) Thương mại. Phần đầu 3 nhóm ngành này chiếm tỷ trọng khoảng 55 - 60% giá trị tăng thêm trên địa bàn thành phố vào năm 2030.

Khuyến khích nhóm ngành kinh tế có nhiều triển vọng phát triển như: kinh tế số; kinh doanh bất động sản; dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; dịch vụ du lịch, văn hóa, nghệ thuật; dịch vụ y tế; dịch vụ giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao; điện gió ngoài khơi; xây dựng;...

Tiếp tục duy trì hợp lý, hiệu quả và bền vững các nhóm ngành khai thác thế mạnh đặc trưng truyền thống của thành phố như: sản xuất trang phục; sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị; cơ khí tiêu dùng và cơ khí giao thông; chế biến nhựa, cao su; đóng mới và sửa chữa tàu biển;...

1.2 Phương hướng phát triển từng ngành

a) Ngành công nghiệp - xây dựng

Khai thác triệt để các tiềm năng, lợi thế sẵn có để ngành công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng vai trò là trụ cột kinh tế của Hải Phòng.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời sẵn sàng tham gia vào chuỗi sản xuất công nghiệp quốc phòng khi có nhu cầu. Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh

tranh của sản phẩm công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có thể mạnh như cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, công nghiệp điện tử...; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như chip, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Khôi phục lại một số ngành công nghiệp trước đây vốn là thế mạnh của Hải Phòng, đặc biệt là đóng mới và sửa chữa tàu biển. Mở rộng, xây dựng thêm các khu, cụm công nghiệp; thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng. Thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong xây dựng đô thị, nhà ở và các công trình kết cấu hạ tầng. Phát triển mạnh các doanh nghiệp ngành xây dựng có khả năng đảm nhận việc thiết kế, thi công các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

b) Các ngành dịch vụ

Phát triển nhanh các ngành dịch vụ với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ cảng biển, logistics, du lịch và thương mại.

Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại. Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa và các cụm, khu vực hội chợ triển lãm. Xây dựng mới các trung tâm thương mại, tài chính tầm cỡ quốc gia, quốc tế; các khu trung tâm dịch vụ thương mại gắn với dịch vụ cảng hàng không (Cát Bi, Tiên Lãng), đô thị mới Bắc sông Cấm (Thủy Nguyên), An Dương,... Hình thành các tuyến phố thương mại, dịch vụ, ẩm thực,... ở khu vực nội thành lịch sử. Xây dựng các chợ đầu mối ở Đồ Sơn, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Lão,...

Tập trung khai thác thế mạnh tài nguyên du lịch biển tại Cát Bà - Đồ Sơn, liên kết với các tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng hướng tới xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch kết nối khu vực và thế giới. Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh sông Hồng (du lịch biển đảo, du lịch văn hoá – lịch sử, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch chăm sóc sức khỏe,...); chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nền nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất chuyên canh,

an toàn dịch bệnh, tạo ra sản phẩm nông nghiệp đạt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Phát triển các vùng chăn nuôi gắn với giết mổ tập trung, các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp theo các chuỗi sản phẩm. Phát triển mạnh công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, xây dựng nông thôn mới, thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường.

Hiện đại hóa, phát triển sản xuất thủy sản theo chuỗi giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng khu vực sản xuất ứng dụng công nghệ cao, gắn với giữ gìn môi trường, cảnh quan sinh thái; nuôi trồng thủy sản trên các khu vực phù hợp; phát triển đội tàu phục vụ đánh bắt xa bờ.

Bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển.

d) Kinh tế biển, đảo

Khai thác hiệu quả vị thế, tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển, đưa Hải Phòng thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế. Phát triển mạnh các ngành kinh tế hàng hải, du lịch biển, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng. Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển.

Phát triển kinh tế các huyện đảo gắn với thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Xây dựng trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn tại đảo Bạch Long Vĩ. Kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

Xây dựng giáo dục và đào tạo Hải Phòng trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao hàng đầu Vùng đồng bằng sông Hồng, luôn đứng trong tốp đầu của giáo dục cả nước. Phấn đấu năm 2030 Hải Phòng trở thành là trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Hiện đại hóa hệ thống giáo dục phổ thông và mầm non trên cơ sở bảo đảm nền tảng giáo dục cơ bản, gắn kết giữa các hình thức, cấp học và trình độ đào tạo. Ưu tiên đầu tư phát triển và từng bước nhân rộng một số mô hình trường học tiên tiến hội nhập quốc tế ở bậc giáo dục phổ thông. Phát triển các cơ sở đào tạo đại học đáp ứng

nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo đại học.

Xây dựng, phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục, đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo các ngành nghề kinh tế biển. Sắp xếp lại, phát triển hợp lý hệ thống khối các trường đào tạo nghề cung cấp nhân lực kỹ thuật cao, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng đồng bằng sông Hồng, trong đó đặc biệt là các ngành Hải Phòng có thế mạnh như công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, dịch vụ cảng và hàng hải, đóng tàu và phương tiện nổi, dịch vụ hậu cần nghề cá, kỹ thuật nuôi trồng, đánh bắt và chế biến hải sản... Ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài xây dựng các trường liên cấp quốc tế, trường đại học đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Thu hút mọi nguồn lực của xã hội để phát triển mạnh giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Việc đào tạo nhân lực cần gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của các khu, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho người lao động.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển Hải Phòng thành một trong các trung tâm y tế lớn, hiện đại, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân thành phố và của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Phát triển mạnh hệ thống các bệnh viện tuyến thành phố, tuyến quận, huyện. Một số lĩnh vực y tế chuyên sâu, mũi nhọn, kỹ thuật cao bệnh viện tuyến thành phố đạt ngang tầm với các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của Trung ương, đặc biệt là đi đầu cả nước về y học biển, hệ thống cấp cứu tai nạn biển, kỹ thuật oxy cao áp và là vệ tinh của một số bệnh viện đầu ngành Trung ương.

Củng cố và phát triển mạng lưới hệ thống y tế cơ sở, khám chữa bệnh từ xa, mô hình bác sỹ gia đình; phát triển y tế dự phòng, nâng cao năng lực, chủ động phòng chống dịch bệnh. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế, thực hiện đồng bộ việc quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân.

Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, quân y với dân y nhằm nâng cao năng lực phục vụ của toàn hệ thống y tế thành phố. Tăng cường nghiên cứu, khai thác các nguồn dược liệu biển. Khuyến khích các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tham gia đầu tư trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn thành phố.

c) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố: công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, dịch vụ logistics, y học biển, dược phẩm biển... Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại phục vụ phát triển kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường biển, nhiễm mặn; áp dụng các công nghệ

mới trong sản xuất vật liệu chống ăn mòn, vật liệu xây dựng công trình biển. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng đô thị thông minh để tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế thành phố, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đổi mới mô hình tăng trưởng và bảo đảm tính bền vững. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số; tăng tỷ trọng kinh tế số trong GRDP thành phố. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng.

Phát triển các trung tâm ươm tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mô hình khởi nghiệp. Xây dựng và phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố liên kết với mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia.

d) Văn hóa, thể thao

Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm văn hóa, thể thao, du lịch của Vùng đồng bằng sông Hồng. Phát huy thế mạnh văn hóa, con người của thành phố cảng Hải Phòng, tạo thành sức mạnh tinh thần to lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đầu tư tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa và các công trình kiến trúc cổ.

Xây dựng các thiết chế văn hóa phù hợp với quá trình đô thị hóa, xứng tầm với một đô thị lớn; bảo tồn các công trình văn hóa vật thể, phát huy những nét đẹp của văn hóa phi vật thể. Không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; chủ động hợp tác và quảng bá các giá trị văn hóa của Hải Phòng với các địa phương trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao; phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục thể thao, phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh. Cải tạo, nâng cấp các công trình thể thao hiện có; đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao, đảm bảo điều kiện tập luyện, thi đấu và đăng cai các giải quốc gia, quốc tế. Có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực thể dục thể thao.

đ) An sinh xã hội

Đảm bảo việc làm ổn định, có thu nhập tốt hơn những người lao động chuyển từ khu vực nông thôn sang đô thị; quan tâm đến chỗ ở cho bộ phận lao động nhập cư để giúp họ an cư, lập nghiệp.

Tiếp tục thực hiện chủ trương “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế”. Các chế độ, chính sách của thành phố đối với người có công, đối tượng chính sách bảo đảm ngày càng tốt hơn và dẫn đầu trong cả nước. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan

tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là hai huyện đảo Cát Hải và Bạch Long Vĩ. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội.

e) Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Xây dựng Hải Phòng thành khu vực phòng thủ vững chắc, đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với Quân khu 3 và cả nước; trở thành thành phố an toàn, thân thiện; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân thành phố. Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh. Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới trên biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng; xây dựng cảng Nam Đồ Sơn thành cảng cửa ngõ, trung chuyển quốc tế, kết hợp quốc phòng an ninh khi có yêu cầu. Xây dựng trung tâm tìm kiếm cứu nạn trên biển tại đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn. Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tăng cường củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước, các địa phương và vùng lãnh thổ trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, thu hút FDI, ODA theo hướng chọn lọc, ưu tiên các dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt, giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo mô hình tổ chức không gian phát triển “Đô thị đa trung tâm và các đô thị vệ tinh”, kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các vành đai kinh tế, hành lang đô thị, thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của thành phố, trong tam giác động lực phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau, cùng phát triển. Trong đó:

- Hai vành đai kinh tế gồm: (i) Vành đai kinh tế ven biển phát triển dịch vụ - du lịch - đô thị hướng ra biển; (ii) Vành đai kinh tế công nghiệp dịch vụ từ cảng Lạch Huyện đến phía Bắc (huyện Thủy Nguyên), phía Tây (đọc quốc lộ 10), phía Nam (đọc sông Văn Úc) kết nối với mạng lưới khu, cụm công nghiệp Vùng đồng bằng sông Hồng và hệ thống cảng Hải Phòng.

- Trung tâm dịch vụ cảng biển, logistics, công nghiệp, thương mại, tài chính (gắn với các Khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, đô thị mới...).

- Trung tâm đô thị lịch sử (thương mại, du lịch...) được chỉnh trang bảo tồn, tôn tạo các không gian, các công trình kiến trúc có giá trị cao, cải tạo cảnh quan, nâng cấp hạ tầng để tạo dựng được bản sắc của một đô thị có bề dày lịch sử.

- Trung tâm hành chính - chính trị tập trung tại khu đô thị mới (Bắc sông Cấm).
- Trung tâm du lịch biển tại Đồ Sơn, Cát Bà....
- Hình thành trung tâm đô thị mới khu vực Nam Đồ Sơn. Xây dựng Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng. Ưu tiên phát triển các dự án khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics tầm cỡ quốc tế, các khu đô thị dọc theo tuyến đường bộ ven biển và các tuyến đường nối với tuyến đường bộ ven biển, tận dụng lợi thế của khu vực quy hoạch cảng Nam Đồ Sơn và Cảng hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Thực hiện việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện để mở rộng quận Hồng Bàng và thành lập quận An Dương, thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên).

Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Việc xác định phạm vi, ranh giới, tên địa lý cụ thể và triển khai phương án sắp xếp các đơn vị hành chính sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Thành phố Hải Phòng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Đến năm 2030, hệ thống đô thị gồm: Khu vực nội thị (09 quận, trong đó có 07 quận hiện hữu:

Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và 02 quận thành lập mới: An Dương, Kiến Thụy); 01 đô thị loại III (thành phố Thủy Nguyên, bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên); 04 đô thị loại IV; 06 đô thị loại V.

Xây dựng thí điểm đô thị thông minh tại Thủy Nguyên và phát triển rộng ra các quận, huyện trên địa bàn thành phố. Sau năm 2030, phát triển các huyện An Lão, Vĩnh Bảo và Tiên Lãng trở thành thị xã; huyện Cát Hải trở thành quận biển đảo.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn gắn với công tác xây dựng nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy tối đa điều kiện tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đai; đảm bảo bền vững, định cư lâu dài, thích ứng biến đổi khí hậu, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra. Bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch, dịch vụ thương mại và phát triển sản phẩm OCOP.

Đối với khu vực nông thôn thuộc thành phố Thủy Nguyên và các huyện dự kiến lên thị xã gồm An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng: phát triển nông thôn theo hướng hiện đại hóa, chủ yếu phát triển các ngành nghề mới và chuyên môn hóa như sản xuất thủ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Phát triển dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, du lịch, nghỉ dưỡng và hướng tới các tiêu chuẩn của đô thị.

Mở rộng, sắp xếp các khu dân cư nông thôn đồng bộ với hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội, giáo dục, y tế. Các điểm dân cư phân bố đan xen với không gian sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cần phát triển tập trung, tăng mật độ và phát triển hạ tầng kết nối giữa các cụm dân cư tập trung. Phân định rõ không gian khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp để giữ các quỹ đất sạch dự phòng cho phát triển trong tương lai.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế

Mở rộng không gian khu kinh tế ven biển trên địa bàn phù hợp với mục tiêu phát triển của thành phố, là trung tâm kinh tế biển, đa ngành, đa lĩnh vực của Vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Điều chỉnh ranh giới Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải để bổ sung đất phát triển công nghiệp, dịch vụ. Thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng với diện tích khoảng 20.000 ha (khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và các quy định pháp luật khác có liên quan).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Tập trung phát triển 14 khu công nghiệp đã thành lập theo hướng đồng bộ, thông minh, sinh thái cả về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Thành lập mới 20 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 7.700 ha (khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, chỉ tiêu sử dụng đất được Thủ tướng Chính phủ phân bổ và các quy định pháp luật khác có liên quan).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Phát triển 31 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.150 ha, đảm bảo sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất gắn liền với bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

4. Phương án phát triển cơ sở nghiên cứu, đào tạo

Phát huy tốt các cơ sở nghiên cứu khoa học hiện có trên địa bàn thành phố (các viện nghiên cứu, các trường đại học). Nghiên cứu xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo để hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

Hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với kinh tế hàng hải nhằm thu hút tổ chức và đội ngũ chuyên gia hàng hải đẳng cấp quốc tế. Xây dựng Trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Trung tâm R&D về công nghệ thông tin - phần mềm smart city (đô thị thông minh); Xây dựng mới các trung tâm R&D nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như: Bắc sông Cẩm, Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng,...

5. Phương án phát triển khu du lịch

Khu du lịch - dịch vụ Đồ Sơn là trung tâm du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện; thể thao, vui chơi giải trí, tín ngưỡng và các lễ hội biển. Cát Bà, Long Châu, Bạch Long Vĩ là các khu du lịch dịch vụ kết hợp bảo vệ, gìn giữ môi trường sinh thái. Khu phố cổ và Thủy Nguyên là các khu du lịch - thương mại dựa trên giá trị về lịch sử, kiến trúc, phát huy không gian du lịch gắn với hệ thống di tích chiến thắng lịch sử Bạch Đằng Giang. Hình thành tuyến du lịch di sản văn hoá: Cái Bèo - Bạch Đằng Giang - Núi Voi - Khu di tích Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm - Khu tưởng niệm Vương triều Mạc...

6. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao

Phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp trên cơ sở phát huy thế mạnh, chú trọng các môn thể thao Olympic. Đầu tư nâng cấp Sân vận động Lạch Tray theo hướng hiện đại thu hút các sự kiện thể thao lớn tầm quốc tế và khu vực; đầu tư phát triển Trung tâm thể thao dưới nước tại huyện Thủy Nguyên, khu liên hợp thể dục thể thao cấp vùng ở khu vực Kiến Thụy -

Đồ Sơn. Tiếp tục hoàn thiện đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao thành phố tại quận Dương Kinh. Phát triển một số sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế (dự kiến đến năm 2030 thành phố Hải Phòng có 08 sân golf đạt chuẩn quốc tế).

7. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Bảo quản, tu bổ, phục hồi các khu bảo tồn, di tích cấp quốc gia, cấp thành phố và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể.

Bảo tồn và sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, quan trọng Vườn Quốc gia Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ; bảo vệ và sử dụng có hiệu quả khu vực cửa sông Thái Bình và cửa sông Văn Úc, huyện Tiên Lãng.

8. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với các hành lang sông Đá Bạc, sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Đa Độ, sông Văn Úc, sông Thái Bình. Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gồm: Vùng sản xuất lúa hữu cơ tập trung tại các huyện Tiên Lãng, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Lão. Vùng sản xuất rau hữu cơ tập trung tại địa bàn các huyện Vĩnh Bảo, An Lão, Tiên Lãng, Kiến Thụy, An Dương. Vùng sản xuất cây ăn quả hữu cơ tập trung tại các huyện Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, An Lão, Cát Hải. Vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung tại các huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Lão. Vùng nuôi trồng thủy sản trên biển khu vực Cát Hải, khu vực ven biển huyện Tiên Lãng; nuôi biển công nghiệp xa bờ gắn với bảo vệ an ninh - quốc phòng và chủ quyền biển đảo (khu vực Cát Bà - Bạch Long Vĩ).

Hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp quốc gia, cấp thành phố và các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ tại Kiến Thụy, An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên...

Xây dựng hệ thống chợ đầu mối nông sản, thủy sản ở Thủy Nguyên, Đồ Sơn, An Lão, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại các huyện, quận trên địa bàn thành phố.

Xây dựng trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng. Xây dựng trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc ở Bạch Long Vĩ, khu neo đậu tàu tránh bão vùng giáp bờ ở Cát Hải, vùng xa bờ ở Bạch Long Vĩ.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Về đường bộ

Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bộ liên vùng, xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng. Nghiên cứu, hình thành tuyến đường chính đô thị nối cảng quốc tế Hải Phòng với Quốc lộ 18; tuyến đường nối từ đường 359 đi Quảng Yên (Quảng Ninh) qua cầu Bến Rừng.

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường bộ, gồm: các tuyến đường tỉnh và đường ven biển; các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã, giao thông nông thôn theo các quy hoạch được duyệt. Phát triển các tuyến trục chính đô thị hướng tâm và đường vành đai thành phố. Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao lộ có mật độ giao thông cao; xây dựng mới hệ thống cầu vượt, cầu qua sông tại các trục đường chính. Quy hoạch mới đường cao tốc đô thị (hướng Bắc - Nam) tiếp cận với khu vực nội đô lịch sử.

Chuyển đổi các bến xe trong khu vực đô thị đông dân cư thành bãi đỗ xe, xây dựng mới 08 bến xe liên tỉnh. Bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, công viên cây xanh.

Nâng cấp các tuyến xe buýt hiện có, mở thêm các tuyến mới. Xây dựng các tuyến xe buýt nhanh trên địa bàn thành phố. Mở rộng quy hoạch hệ thống giao thông, không gian ngầm để kết hợp các công trình thương mại, dịch vụ.

b) Về đường sắt

Xây dựng mới tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng) song song với tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đến ga Nam Hải Phòng) kết nối Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng với các khu bến cảng Đình Vũ, Nam Đồ Sơn và Lạch Huyện; tuyến đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long). Xây dựng 4 tuyến đường sắt đô thị và các ga kết nối các đô thị, khu chức năng và đầu mối giao thông chính của thành phố. Từng bước chuyển đổi tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng đoạn trong khu vực nội thị (hiện có) thành đường sắt đô thị. Nghiên cứu đầu tư xây dựng các tuyến tàu điện ngầm nội đô.

c) Về đường thủy nội địa

Phát triển các bến tàu khách du lịch kết hợp thương mại dịch vụ du lịch ven sông Cấm, Cát Hải, Đồ Sơn; bến tàu khách trung tâm Cát Bà, Cái Viêng, bến Gót, Cát Hải, Hải An, Đồ Sơn. Nâng cấp hệ thống cảng thủy nội địa trên hệ thống sông Đá Bạch, sông Cấm, sông Kinh Môn, sông Văn Úc, sông Lạch Tray.

Xây dựng hệ thống đường thủy nội địa do địa phương quản lý theo quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được duyệt. Nâng cấp các tuyến thủy nội địa hiện có tối thiểu đạt cấp IV. Phát triển các tuyến đường thủy ven biển, nối liền các cửa sông lớn của thành phố và các tỉnh lân cận như: cửa sông Văn Úc, Lạch Tray, Thái Bình, Trà Lý, Diêm Điền..., kết nối với khu vực cảng biển Lạch Huyện để tận dụng ưu thế của vận tải sông pha biển; các tuyến đường thủy nội địa quanh các đảo thuộc quần đảo Cát Bà phục vụ vận chuyển khách du lịch; các đường thủy nội địa chuyên dùng nối Khu đô thị Cái Giá với luồng ven đảo Cát Bà.

d) Về cảng biển, cảng cạn

Cảng biển Hải Phòng thuộc nhóm cảng biển số 1 với quy mô, chức năng là cảng biển đặc biệt theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: khu bến Lạch Huyện; khu bến Đình Vũ; khu bến sông Cấm - Phà Rừng; khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc; bến cảng huyện đảo Bạch Long Vĩ; các bến phao, khu neo đậu chuyển tải; các khu neo đậu tránh, trú bão. Hoàn thành đầu tư khu bến cảng Lạch Huyện và di dời các bến cảng trên sông Cấm; đầu tư phát triển các bến cảng tại khu bến Nam Đồ Sơn - Văn Úc. Nâng cấp hệ thống cụm cảng cạn Đình Vũ với công suất khoảng 300.000 - 550.000 TEU/năm; xây dựng mới cảng cạn Kiến Thụy với công suất khoảng 100.000 - 150.000 TEU/năm.

đ) Về cảng hàng không, sân bay

Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi theo quy hoạch được duyệt. Quy hoạch xây dựng sân bay chuyên dùng tại Đồ Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ phục vụ du lịch và cứu hộ. Nghiên cứu xây dựng Cảng Hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).

2. Phương án phát triển mạng lưới cáp điện

Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, trong đó ưu tiên phát triển nguồn điện gió ngoài khơi; ưu tiên, khuyến khích phát triển các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn.

Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110 kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển mạng lưới trung, hạ áp theo quy hoạch xây dựng, đô thị của các địa phương theo hướng tập trung cải tạo lưới 10kV thành 22kV hoặc 35kV; dần xóa bỏ các trạm biến áp trung gian, thay thế bằng các trạm 110kV hoặc các xuất tuyến trung áp mới. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất và đời sống, nhất là hai huyện đảo.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, hạ tầng số

Phát triển mạng lưới viễn thông hiện đại, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi sang nền kinh tế số, chính quyền số, xã hội số. Xây dựng các trung tâm dữ liệu của thành phố đồng bộ với hạ tầng dữ liệu của quốc gia. Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh tại các đô thị mới; trung tâm ứng dụng chương trình kỹ thuật số, trung tâm dữ liệu Bigdata. Từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và quốc gia.

Thu hút đầu tư xây dựng mới khu vực công nghiệp công nghệ thông tin ở Nam Đình Vũ, Kiến Thụy, Tiên Lãng. Xây dựng trung tâm bưu chính công cộng cấp vùng tại Thủy Nguyên. Rà soát và sắp xếp lại hệ thống các điểm bưu điện - văn hóa xã. Phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình hiện đại, nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi phủ sóng.

Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao; phát triển hạ tầng mạng di động 5G; chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của thành phố sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật; triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu; phát triển hạ tầng dùng chung. Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử phục vụ giao dịch điện tử trên địa bàn thành phố. Hoàn chỉnh, bổ sung các tuyến cáp quang khu vực ven biển, các khu đô thị, các khu công nghiệp. Thực hiện hạ ngầm các tuyến truyền dẫn, ưu tiên các tuyến giao thông mới, khu du lịch, khu di tích, khu đô thị mới.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo).

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ tưới, cấp nước; tiêu, thoát nước và bảo vệ môi trường, gồm: hệ thống thủy lợi Đa Độ, An Hải, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo và Tiên Lãng. Triển khai các dự án cải tạo hệ thống công trình liên quan đến bảo vệ nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước, trữ nước; đầu tư xây dựng các công trình trên các tuyến kênh và trong lưu vực của các tuyến kênh trực chính: Sông Đa Độ, An Kim Hải, Sông Rế, Sông Giá, Hòn Ngọc, Trục I (Trung Thủy nông Tiên Lãng), Chanh Dương để bảo vệ nguồn nước và khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước.

Triển khai các dự án cải tạo và nâng cấp các cống dưới đê, các kênh dẫn nước trước, sau cống và các tuyến kênh cấp 1, đảm bảo tăng khả năng khai thác nước ngọt, tiêu thoát nước và ngăn mặn. Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và hệ thống thủy lợi phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên các đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ. Nghiên cứu xây dựng cống điều tiết trên sông Mới, sông Thái Bình và sông Hóa nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, góp phần chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đối với khu vực đô thị cần đảm bảo diện tích mặt nước hợp lý (hồ điều hòa, hồ trữ nước...) tối thiểu 5% diện tích đất xây dựng đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Tổng nhu cầu dùng nước toàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030 khoảng 1,2 triệu m³/ngày đêm. Tiếp tục xây dựng và cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và công nghiệp nhằm đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt theo quy chuẩn và phục vụ sản xuất.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo).

6. Phương án phát triển hệ thống thoát nước mưa, nước thải sau xử lý; xử lý nước thải

Đến năm 2030, các đô thị phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải; tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trên 90%.

Tất cả các nhà máy trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phải có công trình xử lý nước thải cục bộ trong nhà máy trước khi đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ các nhà máy xí nghiệp phân tán phải có công trình xử lý nước thải riêng trong nhà máy đạt tiêu chuẩn môi trường.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo).

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

Thực hiện hiệu quả việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi.

Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp, y tế tại các cơ sở xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, đặc biệt đối với chất thải nguy hại cần được thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.

Bố trí hợp lý các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn thành phố. Ưu tiên công nghệ đốt tại các khu xử lý rác thải; có lộ trình thay đổi công nghệ, dừng hoạt động chôn lấp tại khu vực Trảng Cát, Đình Vũ.

Từng bước đóng cửa và phục hồi môi trường các bãi rác tạm tại các huyện Kiến Thụy, An Lão, Thủy Nguyên, Cát Hải, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng. Đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo).

Đóng cửa nghĩa trang Ninh Hải (quận Dương Kinh), nghĩa trang Nghĩa Lộ (huyện Cát Hải); nâng cấp mở rộng nghĩa trang Phi Liệt (huyện Thủy Nguyên); xây dựng mới nghĩa trang Đồng Rừng (huyện Tiên Lãng), nghĩa trang An Sơn (huyện Thủy Nguyên) và các nghĩa trang cấp huyện. Ưu tiên đầu tư và phát triển hình thức hỏa táng với công nghệ hiện đại.

8. Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ tại Thủy Nguyên. Xây dựng hệ thống cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá hiện đại, thích ứng biến đổi khí hậu, đồng bộ với các khu dịch vụ hậu cần thủy sản.

9. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy

Xây dựng mạng lưới hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đảm bảo đáp ứng yêu cầu an toàn cho sản xuất và đời sống. Xây dựng các doanh trại cho các đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Đình Vũ - Cát Hải, khu vực Tiên Lãng - Vĩnh Bảo và các đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các quận, huyện; trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Lắp đặt thêm các trụ nước chữa cháy tại các tuyến đường, khu dân cư, khu sản xuất đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

Đến năm 2030, hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố gồm các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa cấp thành phố, trung tâm y tế/bệnh viện đa khoa cấp huyện và mỗi xã, phường, thị trấn có 01 trạm y tế đạt chuẩn. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh. Xây dựng các Labo đạt tiêu chuẩn trên 4 lĩnh vực: dược, hóa, sinh học, thực phẩm. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xây dựng, phát triển các cơ sở y tế, các bệnh viện tư nhân, bệnh viện quốc tế chất lượng cao. Xây dựng Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp thành Bệnh viện đa khoa cấp vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo).

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và trường chuyên biệt) trong quy hoạch phát triển đô thị, khu nhà ở (trong đó có nhà ở công nhân), đảm bảo xây dựng trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia ở tất cả các địa bàn theo quy định.

Đầu tư xây dựng đủ các phòng chức năng, phòng học bộ môn, cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị học tập giúp nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của tất cả học sinh phổ thông các cấp. Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục tư thục, dân lập; thu hút đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc tế, chất lượng cao.

Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các phòng học, trang thiết bị dạy học, máy móc tại các trường đại học, trường cao đẳng và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo số lượng và diện tích phòng học theo tiêu chuẩn gắn với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Phát triển các trường đạt tiêu chuẩn quốc tế gắn với các đô thị mới, có hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ và hiện đại; gắn phát triển trường đại học, dạy nghề với các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

Xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển; trường Đại

học Hải Phòng thành Trường đại học ứng dụng đa ngành, có trình độ tiên tiến. Ưu tiên đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo).

3. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Tiếp tục đầu tư tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử - văn hóa. Phấn đấu 100% các thiết chế, công trình văn hóa cấp thành phố được đầu tư xây mới và nâng cấp, cải tạo có trang bị cơ sở vật chất hiện đại; có 100% đơn vị hành chính cấp xã, 60% đơn vị hành chính cấp huyện có trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao đạt chuẩn theo quy định. Đầu tư nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất đồng bộ cho các đơn vị hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Xây dựng một số vườn hoa, công viên, khu vui chơi, giải trí trên địa bàn thành phố.

Xây dựng các công trình hạ tầng thể dục, thể thao ngày càng hiện đại phục vụ nhu cầu luyện tập và thi đấu. Xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao cấp vùng ở khu vực Kiến Thụy - Đồ Sơn. Hoàn thành Khu Liên hiệp thể dục thể thao ở Dương Kinh; mở rộng Khu huấn luyện đua thuyền ở Thủy Nguyên; Trung tâm huấn luyện thể thao biển và cứu hộ tại Vạn Ngang, Đồ Sơn. Xây dựng, nâng cấp các công trình thể dục thể thao cấp thành phố, quận, huyện đạt chuẩn.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo).

4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

Xây dựng và hiện đại hóa các trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ, triển lãm gắn với du lịch mua sắm. Phát triển các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp, tổng hợp mang tầm khu vực Đông Nam Á, các siêu thị đáp ứng nhu cầu mua sắm kết hợp vui chơi, giải trí.

Phát triển khu dịch vụ logistics tập trung chủ yếu tại địa bàn Hải An, An Lão, Cát Hải, Tiên Lãng, Kiến Thụy; hình thành không gian dịch vụ logistics mới tại huyện Kiến Thụy, Tiên Lãng gắn với cảng Nam Đồ Sơn, Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, tuyến đường cao tốc ven biển và Cảng Hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt tại các khu vực có cảng biển nước sâu và thuận lợi về kết nối với hệ thống cung ứng. Ưu tiên đầu tư hệ thống kho dự trữ xăng dầu tại các khu vực: cảng Nam Đình Vũ, cảng Lạch Huyện, cảng Nam Đồ Sơn. Tiếp tục khai thác các kho xăng dầu hiện có; mở rộng, nâng công suất và đầu tư xây dựng mới 05 kho xăng dầu.

Tiếp tục khai thác các kho LPG, xây dựng kho LNG Miền Bắc, xây mới kho LNG để cung cấp cho các hộ công nghiệp, nghiên cứu xây dựng kho LNG tại khu vực cửa sông Văn Úc, huyện Tiên Lãng.

Mở rộng, xây dựng mới hệ thống đường ống dẫn khí LNG Hải Phòng - Thái Bình, hệ thống đường ống phân phối khí LNG thấp áp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo).

5. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, người cao tuổi; cơ sở trợ giúp xã hội

Tiếp tục duy trì cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng tại quận Đồ Sơn.

Mở rộng, nâng cấp, tăng năng lực tiếp nhận của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo).

6. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hình thành và xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo với chức năng chủ yếu là nghiên cứu, đào tạo, sản xuất thử nghiệm (pilot), ươm tạo và chuyển giao công nghệ, ươm tạo khởi nghiệp sáng tạo; các trung tâm ươm tạo công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin khoa học công nghệ, đặc biệt là hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của thành phố. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 và thực tiễn, nhu cầu phát triển của thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo).

IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Thành phố có 03 Vùng liên huyện: Vùng liên huyện phía Tây, Vùng liên huyện phía Nam và Vùng liên huyện biển đảo.

Vùng liên huyện phía Tây gồm Thủy Nguyên, An Dương và An Lão: Là trung tâm hành chính, chính trị thành phố Hải Phòng; Cửa ngõ kết nối Hải Phòng với Hà Nội và hành lang công nghiệp qua quốc lộ 18; Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ logistics, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ vùng duyên hải Bắc Bộ.

Vùng liên huyện phía Nam gồm Kiến Thụy, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo: Là cửa ngõ kết nối Hải Phòng với cảng hàng không quốc tế trong tương lai; với các tỉnh Duyên hải qua khai thác tuyến đường ven biển Hải Phòng - Thái Bình;

trung tâm chế biến nông nghiệp công nghệ cao vùng duyên hải Bắc Bộ; trung tâm dịch vụ hàng không quốc tế trong tương lai, từng bước chuyển đổi phát triển lĩnh vực dịch vụ logistics.

Vùng liên huyện biển đảo gồm Cát Hải và Bạch Long Vĩ: Là cửa ngõ thiên nhiên, đại diện hệ sinh thái đa dạng kết hợp vùng ngập nước, rừng nguyên sinh, biển, đảo; trung tâm hậu cầu nghề cá và tìm kiếm cứu hộ khu vực Bắc Bộ; phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 08 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của thành phố, gồm:

- Huyện Thủy Nguyên (bao gồm toàn bộ đảo Vũ Yên) trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng; là khu đô thị mới gắn với trung tâm hành chính, chính trị mới của thành phố Hải Phòng; trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch văn hóa và giải trí, y tế, giáo dục, trung tâm nghề cá cấp vùng; trọng điểm về phát triển công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; động lực phát triển kinh tế biển. Đến năm 2030, đạt tiêu chí đô thị phát triển xanh - thông minh và văn minh.

- Huyện An Dương: Xây dựng huyện An Dương trở thành quận của thành phố Hải Phòng. Phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng đô thị hóa, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ trên cơ sở tiền đề công nghiệp có lựa chọn và thân thiện môi trường. Là trung tâm động lực phát triển công nghiệp công nghệ cao của thành phố, phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái, dịch vụ, trọng tâm là du lịch, logistics và lưu trú.

- Huyện Kiến Thụy: Xây dựng huyện Kiến Thụy trở thành đơn vị hành chính quận thuộc thành phố Hải Phòng. Hình thành không gian khu kinh tế, khu công nghiệp tại một số khu vực thuộc Kiến Thụy; phát triển các ngành dịch vụ nhất là dịch vụ logistics và các ngành công nghiệp trên cơ sở khai thác tuyến đường ven biển và các công trình giao thông cấp quốc gia được quy hoạch trên địa bàn Kiến Thụy, phát triển nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao.

- Huyện Tiên Lãng: Xây dựng huyện Tiên Lãng trở thành thị xã thuộc thành phố Hải Phòng. Hình thành không gian chức năng tại một số khu vực thuộc huyện Tiên Lãng. Phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ trên cơ sở khai thác các công trình giao thông cấp quốc gia, khu chức năng được quy hoạch trên địa bàn huyện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp. Chú trọng hình thành các vùng nông nghiệp tập trung đối với một số cây trồng đặc trưng của Hải Phòng, khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Huyện An Lão: Xây dựng huyện An Lão trở thành thị xã thuộc thành phố Hải Phòng. Tổ chức không gian và phát triển ngành nông nghiệp hợp lý trong xu thế đô thị hóa nhanh của thành phố, là vùng đệm phát triển công nghiệp

điện tử, công nghệ cao. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Huyện Vĩnh Bảo: Xây dựng huyện Vĩnh Bảo trở thành thị xã thuộc thành phố Hải Phòng. Hình thành không gian khu chức năng tại một số khu vực của huyện Vĩnh Bảo. Phát triển các ngành kinh tế trên cơ sở khai thác hiệu quả không gian khu chức năng, các công trình hạ tầng quốc gia, thành phố trên địa bàn huyện. Chú trọng hình thành các vùng nông nghiệp tập trung trồng cây đặc trưng của Hải Phòng, khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Huyện Cát Hải: Xây dựng huyện Cát Hải trở thành quận biển đảo thuộc thành phố Hải Phòng. Phát triển huyện Cát Hải trở thành trọng điểm kinh tế biển của thành phố, huyện đảo thông minh, trong đó đảo Cát Bà là trung tâm du lịch sinh thái quốc gia và quốc tế; đảo Cát Hải là trung tâm dịch vụ cảng biển, trung tâm dịch vụ logistics, khu công nghiệp công nghệ hiện đại. Phát triển đa dạng, đồng bộ các phương thức giao thông kết nối giữa đảo với đất liền, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các bến, công trình hạ tầng thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng. Phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ, công nghiệp – xây dựng và thủy sản. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh tuyến biển, đảo.

- Huyện Bạch Long Vĩ: Là huyện đảo tiền tiêu của Tổ quốc. Phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng huyện gắn chặt với đảm bảo quốc phòng, an ninh biển đảo. Xây dựng đảo Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc. Nghiên cứu, khai thác hiệu quả tiềm năng điện gió ngoài khơi lớn. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh tuyến biển, đảo.

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn thành phố

a) Về phân vùng môi trường

Phân vùng môi trường thành phố Hải Phòng theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm 05 vùng: (i) Khu dân cư tập trung ở đô thị; (ii) Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; (iii) Khu bảo tồn thiên nhiên; (iv) Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hoá; (v) Vùng lõi của di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vùng hạn chế phát thải gồm 06 vùng: (i) Vùng đệm của các khu bảo tồn; (ii) Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; (iii) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; (iv) Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; (v) Khu vui chơi giải trí dưới nước; (vi) Khu vực có yếu tố nhạy cảm

về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: Ngoài các vùng nêu trên.

b) Về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà. Duy trì tính ổn định hệ thống các khu bảo tồn hiện có trên địa bàn thành phố tại khu vực đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ, đặc biệt chú trọng bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Phương án quan trắc môi trường

Phát triển hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường mặt nước mặt, môi trường nước ven bờ biển, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích ven bờ và cửa sông... Xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động quan trắc môi trường nước biển và trạm quan trắc môi trường không khí.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo).

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

a) Khu vực thăm dò, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản, quy mô tài nguyên khoáng sản đặc biệt là tài nguyên, khoáng sản biển bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu tin cậy về địa chất, khoáng sản, góp phần phát triển kinh tế biển, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

Nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật; kiểm tra, rà soát, thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp đối với các doanh nghiệp năng lực yếu kém, không thực hiện đúng quy định pháp luật trong quá trình hoạt động. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Phương án thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan.

b) Địa điểm có khoáng sản nhưng chưa khai thác, cấm khai thác, cần bảo vệ trong thời kỳ quy hoạch

Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng

phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc; khu vực nằm trong quy hoạch xây dựng cảng biển, khu vực nuôi thủy sản.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) Nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) Nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) Nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) Nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) Nhu cầu nước cho thủy sản; (6) Nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

Khai thác có hiệu quả nguồn nước mặt dồi dào của hệ thống sông ngòi trên địa bàn thành phố, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng nước ngọt, phân bổ hợp lý theo địa bàn và theo mùa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt của dân cư và sản xuất. Hiện đại hóa các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước, nâng cao khả năng tích nước, trữ nước.

Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các dòng sông. Ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Quản lý, giám sát chặt chẽ nguồn nước thải từ các cơ sở sản xuất và khu dân cư. Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, kênh mương.

Tuyên truyền phổ biến ý thức sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên nước. Xử phạt nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

c) Phòng, chống và khắc phục tình trạng sụt, lún đất; xâm nhập mặn; lũ, lụt, hạn hán, nhất là ở khu vực ven biển

Duy trì độ che phủ rừng vùng ven biển và diện tích đất ngập nước ven biển để ngăn sóng bảo vệ đê biển, đê sông và các đảo. Quản lý tốt việc khai thác cát, sỏi ở những khu vực dễ xảy ra xói, sạt lở bờ.

Phòng, chống và khắc phục tình trạng sụt, lún đất; xâm nhập mặn; lũ, lụt, hạn hán, nhất là ở khu vực ven biển. Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố Vùng đồng bằng sông Hồng trong khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

Triển khai thực hiện hiệu quả hệ thống thông tin khí tượng thủy văn phục vụ theo dõi, phát hiện hạn hán. Sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước. Thay đổi các cơ cấu cây trồng phù hợp với tình hình hạn hán.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

- Huyện đảo Bạch Long Vĩ là nơi hứng chịu những cơn bão đầu tiên trước khi đổ bộ vào đất liền.

- Huyện Thủy Nguyên, quận Hải An, quận Hồng Bàng, quận Ngô Quyền là khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi giông, sét, mưa đá.

- Huyện Tiên Lãng, huyện Thủy Nguyên và huyện đảo Bạch Long Vĩ là khu vực dễ bị tổn thương nhất do mưa lớn.

- Huyện Kiến Thụy, quận Kiến An, quận Đồ Sơn, huyện An Lão, huyện Tiên Lãng, huyện Thủy Nguyên là các khu vực chịu ảnh hưởng lớn về thiên tai do lũ, ngập lụt.

- Quận Ngô Quyền, huyện Thủy Nguyên, huyện Kiến Thụy, quận Đồ Sơn chịu ảnh hưởng nhiều nhất do nước biển dâng.

- Quận Đồ Sơn, các huyện đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai do gió mạnh trên biển.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng các kế hoạch, phương án, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm theo phương châm “bôn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” từ nhân dân, các cấp, các ngành nhằm đảm bảo ứng phó với các kịch bản thiên tai xảy ra.

- Phân bố các khu vực phòng chống thiên tai, kiểm soát chặt chẽ ứng phó biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố; Tăng cường cung cấp thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu phục vụ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng. Hướng dẫn tiếp cận thông tin khí hậu và dự báo khí hậu cho người dân nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, củng cố mạng lưới trạm khí tượng thủy văn phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện một số tuyến đê sông, đê biển kém ổn định và xung yếu để đảm bảo an toàn các tuyến đê, cống tiêu thoát mưa, lũ; Xây dựng, nâng cấp các công trình quan trọng tại các vùng có nguy cơ ngập lụt cao trong khu vực đô thị và khu vực ven biển và các công trình phòng chống thiên tai nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp và tình hình thiên tai ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Tổ chức công tác thủy lợi nội đồng: Nạo vét kênh mương, sông trục dẫn, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê bao, bờ bao, hệ thống trạm bơm điện, xây dựng các biện pháp trữ, tích nước.

- Xây dựng các trạm quan trắc mực nước.

- Triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại để giảm dần việc chôn lấp chất thải tại khu vực nội thành; triển khai xây dựng nhà máy xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại cho khu vực nông thôn; phân đầu đến năm 2030 dừng việc chôn lấp chất thải tại khu vực đô thị; khuyến khích hoạt động tái chế và tái sử dụng chất thải.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn vốn của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo).

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách nhà nước và đầu tư công. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách gắn với phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Thực hiện rà soát việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, đầu tư tại các Nghị quyết của Quốc hội đối với thành phố Hải Phòng.

Khai thác có hiệu quả nguồn vốn từ các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất cho ngân sách nhà nước. Nghiên cứu, khai thác các giá trị từ đất cho việc phát triển hạ tầng và áp dụng các chính sách về thuế và phí liên quan đến bất động sản để có nguồn thu cho việc vận hành và bảo dưỡng đô thị. Phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành và các địa phương liên quan thúc đẩy việc thực hiện tốt các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương trên địa bàn thành phố và cả Vùng đồng bằng sông Hồng. Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, tạo tác động lan tỏa, dẫn dắt thu hút vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) với phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, nhất là đối với các dự án phát triển hạ tầng. Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài

nước có công nghệ tiên tiến, có nguồn vốn lớn, có cam kết gắn bó lâu dài với thành phố, nhất là trong những ngành kinh tế trụ cột của Hải Phòng. Thu hút đầu tư mạnh mẽ vào các khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm du lịch Đồ Sơn, Cát Bà, khu đô thị mới và nhà ở xã hội.

Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, ngày càng thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi phương thức phát triển, cơ cấu lại nền kinh tế thành phố.

Đẩy mạnh chương trình xúc tiến đầu tư và thương mại, cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước về quy hoạch và các định hướng phát triển của thành phố. Khuyến khích các công ty vận tải, hãng tàu, các tập đoàn sản xuất công nghiệp lớn đặt trụ sở hoặc văn phòng cấp vùng tại Hải Phòng.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động, kết hợp chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động ở khu vực phi chính thức; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Tăng quy mô và nâng cao chất lượng dân số; tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân gắn với các thiết chế văn hóa để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút người lao động đến làm việc, sinh sống lâu dài tại thành phố.

Đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố. Xây dựng các chương trình đào tạo theo năng lực thực hành nghề dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia hoặc xác định chuẩn đầu ra theo ngành, nghề và vị trí việc làm ứng với từng trình độ đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố.

Có cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt đến làm việc tại thành phố.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là với những địa bàn phát triển đồng thời nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau theo hướng cộng sinh cùng phát triển. Duy trì tính ổn định của hệ thống các khu bảo tồn hiện có trên địa bàn thành phố (Vườn Quốc gia Cát Bà, Khu Bảo tồn biển Bạch Long Vĩ...).

Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch hơn, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên,... đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố.

Kiểm soát chặt chẽ nguồn gây ô nhiễm và xử lý các loại chất thải khu vực đô thị và nông thôn, đặc biệt là các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động môi trường của các dự án và quản lý chặt chẽ việc thực hiện các phương án đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Có kế hoạch ứng phó hiệu quả với thiên tai (bão, lũ...) và biến đổi khí hậu, đặc biệt là những địa phương ven biển, ven sông và các đảo. Chú trọng công tác thông tin, truyền thông về vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, môi trường nước, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Xây dựng thương hiệu Hải Phòng trong việc tổ chức các hội nghị khoa học, triển lãm quốc tế và giới thiệu, mua bán sản phẩm khoa học - công nghệ biển và một số lĩnh vực khác.

Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của thành phố. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D). Có cơ chế chính sách để hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu theo nguyên tắc xác định kết quả đầu ra. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số. Phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo tính kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, sử dụng cơ sở dữ liệu mở để đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới người dân và doanh nghiệp. Đảm bảo an ninh mạng và tạo lập niềm tin trên không gian mạng.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, đề xuất thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của thành phố, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng trong việc rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách

phát triển Vùng và đẩy mạnh liên kết vùng. Đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong Vùng đồng bằng sông Hồng, khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế và kết nối quốc tế.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội do Trung ương, Quốc hội, Chính phủ ban hành. Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số cơ chế, chính sách của thành phố nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực theo hướng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tận dụng các cơ hội, lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt các FTA thế hệ mới để thúc đẩy quảng bá, xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng của thành phố. Xây dựng các mối quan hệ hợp tác mang tính chiến lược với các đối tác lớn (Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU...), nhất là trong việc phát triển những lĩnh vực kinh tế chủ lực của thành phố. Hợp tác sâu rộng hơn với các tổ chức quốc tế để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, thông tin..., nhất là trong việc quản lý và phát triển đô thị, phát triển con người, văn hóa, giáo dục, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị trên thế giới để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền; ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện với môi trường. Xác định mô hình kiến trúc đô thị và mô hình nông thôn mới mang sắc thái đặc trưng của thành phố biển. Xây dựng đô thị thông minh gắn với kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững.

Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch đô thị, nông thôn. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp. Quản lý tốt quá trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị cũ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cư dân, việc làm từ khu vực nông thôn sang đô thị, từ huyện lên quận, lên thành phố,... Số hóa và minh bạch hóa việc quản lý đất đai và dân cư. Thường xuyên cập nhật và công bố công khai định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, duy trì thứ hạng cao về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

Xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đổi mới phương thức phục vụ người dân, doanh nghiệp. Vận hành hiệu quả Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố. Phần đầu đạt tỷ lệ 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đạt tỷ lệ 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh phân quyền, phân nhiệm, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng đáp ứng các yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc.

8. Giải pháp cơ chế chính sách

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách có tính đột phá mới theo tinh thần Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, triển khai áp dụng đầy đủ nội dung của Nghị quyết số 35/2021/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

Tập trung nghiên cứu, đánh giá, phân tích các cơ chế, chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do thành công trên thế giới, để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng.

Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù cho thành phố Hải Phòng, đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn khác trong cả nước; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, người đứng đầu trong một số lĩnh vực như quản lý quy hoạch, đất đai, quản lý đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương...

9. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai Quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo

đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện Quy hoạch theo quy định.

XIII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XIX kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch thành phố bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện Quy hoạch thành phố gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch thành phố, rà soát điều chỉnh Quy hoạch thành phố theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Quy hoạch;

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút đầu tư, bảo đảm nguồn lực tài chính, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng đã được xác định trong Quy hoạch thành phố;

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh Quy hoạch thành phố trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp

cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội và các quy định có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, bản án (nếu có) thì chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của thành phố trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động, bố trí được đầy đủ các nguồn lực thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại văn bản số 363/BC-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

5. Các bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả Quy hoạch thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b)_{Q.Cường}

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà